

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN THI
TỈNH HƯNG YÊN**

Bản án số 26/2023/DS-ST

Ngày 25 tháng 9 năm 2023

“ V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lương Thị Thủy**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Quang Chử**

Ông **Nguyễn Thanh Bình**

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Tuấn Anh** - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Thi tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Hữu** - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện An Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2023/TLST-DS ngày 12/7/2023 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXX- DS ngày 25/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1966

Nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện A, tỉnh Hưng Yên

- Bị đơn: Bà **Hoàng Thị L**, sinh năm 1964

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện A, tỉnh Hưng Yên

Các đương sự đều có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn là ông **Nguyễn Văn K** trong quá trình tố tụng thể hiện:

Ngày 09/4/2020, bà L vay của ông 20.000.000đ, tiếp đến ngày 14/4/2020 bà L tiếp tục vay ông 50.000.000đ, thời hạn vay là 15 ngày, việc vay tiền hai bên có làm giấy tờ, bà L và con trai bà L là **Nguyễn Tuấn A** ký nhận nợ, việc anh Tuấn A ký vào giấy vay tiền là do ông bảo Tuấn A ký vào cho chắc, còn Tuấn A không liên quan gì đến số tiền bà L vay ông. Hết thời hạn trả nợ bà L không trả ông số tiền trên, bà L nhiều lần ý kiến đề bà thu xếp trả tiền ông nhưng đến nay bà L vẫn chưa trả ông khoản tiền nào. Vì chỗ quen biết nên ông cho bà L vay nóng 15 ngày, ông không lấy lãi. Việc bà L khai vay tiền của ông có thỏa thuận tiền lãi bằng miệng 2000đ/triệu/ngày và bà L đã trả lãi cho ông từ khi vay tiền đến hết tháng 3/2022 là bịa đặt, nếu bà L thanh toán lãi cho ông thì phải có căn cứ chứng minh, ông không

chấp nhận lời trình bày của bà L. Nay ông yêu cầu bà L phải trả ông tiền gốc và lãi kể từ khi hết thời hạn vay đến khi trả hết tiền gốc cho ông theo quy định.

Lời khai của bị đơn là bà Hoàng Thị L trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Bà thừa nhận có vay của ông K 02 lần tiền như ông K khai, thời hạn vay 15 ngày, lãi thỏa thuận ngoài 2000đ/triệu/ngày, việc vay tiền ông K có lập giấy tờ, bà và con trai bà là Nguyễn Tuấn A có ký vào giấy. Bà là người vay tiền của ông K, còn Tuấn A là người đi cùng bà và ông K yêu cầu Tuấn A ký vào giấy chứng kiến chứ Tuấn A không vay nợ gì ông K. Bà đã trả lãi cho ông K đến hết tháng 3/2022, còn tiền gốc chưa trả được. Lúc đầu bà xác định vay ít ngày rồi trả nhưng do khó khăn nên chưa trả được ông K tiền, mới chỉ đóng lãi cho ông K. Việc ông K khởi kiện đòi nợ bà tiền nợ gốc bà nhận nợ. Bà đề nghị Tòa án xem xét khoản lãi suất thời gian chưa trả theo quy định của pháp luật, đối với tiền lãi bà đã trả ông K bà không yêu cầu xem xét lại.

Tại phiên tòa: Ông K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà L phải thanh toán cho ông tiền gốc 70.000.000đ và tiền lãi kể từ khi hết thời hạn vay đến khi trả hết nợ gốc theo quy định.

Bà L thừa nhận khoản vay như ông K trình bày, bà khai có trả lãi cho ông K nhiều lần theo lãi suất 2000đ/triệu/ngày, bà đề nghị ông K cho trả tiền dần vì hiện gia đình bà đang khó khăn chưa có tiền để trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm:

*. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự như:

*. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

*. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 400, 401, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/ 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K là buộc bà L phải trả ông K số tiền gốc 70.000.000 đồng và tiền lãi kể từ khi hết thời hạn vay cho đến khi bà L thanh toán hết số nợ gốc cho ông K, lãi suất tính theo lãi suất của Nhà nước quy định.

Về án phí: Bà L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Ông K khởi kiện yêu cầu bà L trả khoản tiền đã vay, quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền) được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là bà L cư trú tại thôn Đ, xã Q, huyện A, Hưng Yên nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý, giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo lời khai của các đương sự xác định ngày 09/4/2020 bà L có vay của ông K số tiền 20.000.000đ và đến ngày 14/4/2020 bà L vay tiếp của ông K số tiền 50.000.000đ, tổng là 70.000.000đ, thời hạn vay là 15 ngày không có lãi. Việc vay tiền giữa ông K và bà L được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự, do vậy làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

Khi đến hạn trả nợ, bà L đã không trả tiền cho ông K như cam kết, riêng lãi suất tiền vay, bà L khai bà vay tiền của ông K lãi suất 2.000đ/triệu/ngày và bà đã trả lãi đến hết tháng 3/2022; tuy nhiên ông K không thừa nhận việc này. Quá trình giải quyết vụ án, bà L không cung cấp được giấy tờ, tài liệu gì để chứng minh, do vậy lời khai của bà L không có căn cứ để chấp nhận.

Khi vay tiền các bên không thỏa thuận lãi suất, ông K yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật, yêu cầu của ông phù hợp với khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Do vậy, bà L có trách nhiệm trả cho ông K các khoản tiền sau:

- Nợ gốc: 70.000.000đ

- Tiền lãi: Theo quy định mức lãi suất là 10%/năm và tiền lãi được tính kể từ khi hết thời hạn vay. Cụ thể:

+ Khoản tiền vay ngày 09/4/2020: Ngày 24/4/2020 là ngày đến hạn trả nợ, ngày 25/4/2020 là ngày bắt đầu tính lãi, từ ngày 25/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 03 năm 05 tháng: $20.000.000đ \times 10\%/năm \times (03 \text{ năm } 05 \text{ tháng}) = 6.830.000đ$

+ Khoản tiền vay ngày 14/4/2020: Ngày 29/4/2020 là ngày đến hạn trả nợ, ngày 30/4/2020 là ngày bắt đầu tính lãi, từ ngày 30/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 03 năm 04 tháng 25 ngày: $50.000.000đ \times 10\%/năm \times (03 \text{ năm } 04 \text{ tháng } 25 \text{ ngày}) = 16.997.500đ$.

Tổng số tiền gốc và lãi của các khoản tiền vay là: $70.000.000đ + 16.997.500đ + 6.830.000đ = 93.827.500đ$.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, 385, 401, 463, 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K: Buộc bà Hoàng Thị L phải trả cho ông K số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 93.827.500đ (trong đó tiền gốc là 70.000.000đ, tiền lãi 23.827.500đ).

Kể từ ngày 26/9/2023, bà L tiếp tục có nghĩa vụ trả cho ông K khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Bà L phải chịu 4.691.375đ tiền án phí sơ thẩm dân sự.

Hoàn trả ông Nguyễn Văn K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.700.000đ tại biên lai số 0003170 ngày 11/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ân Thi;
- Chi cục THADS huyện Ân Thi;
- Lưu hồ sơ;

Lương Thị Thủy